TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Ng Việt Khoa | N.V.Tuyên | Ng Việt Khoa | N.V.Tuyên

Môn học : [22807703] - Tự động hóa công nghiệp (CCQ2315C)
CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 16
Số bài thi: 16
Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150100	Mao Văn	Cao	31/10/2005	CCQ2315C			6,8	5,8	6,2
2	2123150074	Vũ Huy	Đà	23/03/2005	CCQ2315C			7,8	8,3	8,1
~~3~~	~~2123150087~~	~~Dương Thanh~~	~~Đan~~	~~03/02/2003~~	~~CCQ2315C~~					
4	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát	Đạt	28/08/2005	CCQ2315C			7,5	7,0	7,2
5	2123150075	Nguyễn Đức	Duy	08/07/2005	CCQ2315C			8,0	7,3	7,6
6	2123150090	Phạm Thế	Duy	05/12/2005	CCQ2315C			7,5	7,8	7,7
7	2123150082	Võ Tùng	Duy	24/04/2005	CCQ2315C		Duy	8,3	8,0	8,1
8	2123150083	Nguyễn Xuân	Hùng	29/12/2005	CCQ2315C		Hùng	8,3	8,8	8,6
9	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C			7,8	8,3	8,1
10	2123150095	Trần Vũ Quang	Huy	13/09/2005	CCQ2315C			9,0	9,3	9,2
11	2123150078	Huỳnh Văn	Phú	21/03/2005	CCQ2315C		Phú	8,3	8,0	8,1
12	2123150079	Nguyễn Thị Bích	Quyên	22/01/2005	CCQ2315C			9,0	9,3	9,2
13	2123150089	Cao Tấn	Tài	16/01/2005	CCQ2315C			9,0	9,3	9,2
14	2123150085	Trần Quốc	Thịnh	21/02/2005	CCQ2315C			8,8	8,3	8,5
15	2123150091	Nguyễn Xuân	Thuyết	10/01/2003	CCQ2315C			8,3	7,5	7,8
16	2123150077	Nguyễn Phan Bảo	Trọng	21/07/2005	CCQ2315C		Trọng	7,8	7,3	7,5
17	2123150084	Nguyễn Ngọc	Tuyên	13/05/2004	CCQ2315C			8,0	7,8	7,9

Ngày in: 24/06/2025

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Ng Việt Khoa | NVN Tuyên | Ng Việt Khoa | NVN Tuyên

Môn học : [22807704] - Tự động hóa công nghiệp (CCQ2315A)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 14

Số bài thi: 14

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	CCQ2215C		Bình	7,5	7,3	7,4
2	2122150002	Trương Thanh	Bình	07/10/2003	CCQ2215A			6,5	5,8	6,1
3	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật	Đăng	09/08/2004	CCQ2215A		Đăng	6,8	6,0	6,3
4	2123150042	Trần Thanh	Thông	14/06/2005	CCQ2315B			7,3	7,5	7,4
5	2123150025	Khúc Văn	Tiến	05/10/2005	CCQ2315A			7,0	6,3	6,6
6	2123150008	Nguyễn Chí	Tiến	09/04/2005	CCQ2315A			8,5	9,0	8,8
7	2123150053	Nguyễn Hữu	Trí	20/04/2005	CCQ2315B		Trí	8,8	9,3	9,1
8	2123150080	Đỗ Văn	Triều	16/09/2005	CCQ2315B			8,3	8,5	8,4
9	2123150038	Trảo Công	Trình	20/10/2005	CCQ2315B		TRÌNH	7,0	7,5	7,3
10	2123150017	Phạm Minh	Trường	17/01/2003	CCQ2315A		Trường	7,5	8,0	7,8
11	2123150024	Võ Anh	Tuấn	19/11/2005	CCQ2315A		Tuấn	7,0	6,5	6,7
12	2123150049	Nguyễn Ngọc	Tường	26/01/2005	CCQ2315B			8,0	8,3	8,2
13	2123150048	Vũ Khắc	Tường	22/08/2005	CCQ2315B			8,3	8,0	8,1
14	2123150052	Trần Long	Vĩ	04/05/2005	CCQ2315B			8,5	8,8	8,7

Ngày in: 24/06/2025